

Số: 09/BB-HĐXTN

Hà Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2018

BIÊN BẢN
xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp
lớp Trung cấp LLCT-HC B85 (hệ vừa làm vừa học) – huyện Bắc Mê

Vào hồi 8h00' ngày 06/02/2018, Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính B85 huyện Bắc Mê họp xét điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính B85 (hệ vừa làm vừa học) – huyện Bắc Mê.

Địa điểm: Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

Thành phần: Theo Quyết định số 38/QĐ-TCT, ngày 05/02/2018 gồm 13 đồng chí, có mặt 10/13 đồng chí, vắng mặt 03 đồng chí (Trương Văn Thắng, Trịnh Sơn, Nguyễn Thị Gấm - có lý do).

Chủ tọa: Đ/c Hoàng Đức Thạch – Phó Hiệu trưởng, Ủy viên Hội đồng;

Thư ký: Đ/c Trần Văn Đình - Trưởng phòng Đào tạo, ủy viên thư ký.

Nội dung:

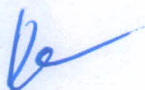
1. Đồng chí Hoàng Đức Thạch - Phó Hiệu trưởng, Ủy viên Hội đồng quán triệt Quy chế đánh giá và quản lý kết quả học tập của học viên Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCQG, ngày 21/4/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*).

2. Đồng chí Trần Văn Đình - ủy viên thư ký báo cáo kết quả học tập của học viên lớp Trung cấp LLCT-HC B85 (hệ vừa làm vừa học) – huyện Bắc Mê và đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 89 (*tám mươi chín*) học viên lớp Trung cấp LLCT - HC B85 (hệ vừa làm vừa học) – huyện Bắc Mê. Trong đó xếp loại giỏi 01 học viên, khá 49 học viên, trung bình 39 học viên.

3. Hội đồng thảo luận và Biểu quyết nhất trí: 10/13 đồng chí = 76,92%. Đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 89 (*tám mươi chín*) học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp LLCT - HC B85 (hệ vừa làm vừa học) – huyện Bắc Mê. Trong đó: xếp loại giỏi: 01 học viên; xếp loại khá 48 học viên; xếp loại trung bình 40 học viên (*có danh sách kèm theo*).

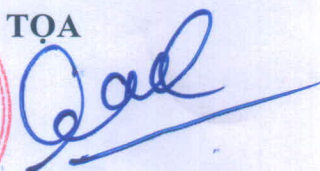
Hội nghị kết thúc vào hồi 8h35 cùng ngày và Biên bản đã được thông qua./.

THƯ KÝ



Trần Văn Đình

CHỦ TỌA



Hoàng Đức Thạch

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các thành viên HĐXTN;
- Chủ nhiệm lớp;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, HS.

DANH SÁCH
(kèm theo Biên bản số: **09**/BB-HĐXTN, ngày 06 tháng 02 năm 2018)



Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		P.IV	Phần V			P VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm thi TN, viết TL	Cộng điểm BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3							
1	Phạm Thế Cường		7,00	8,00	5,50	7,50	8,00	8,25	7,50	8,00	7,50	7,00	8,00	7,58	0,5	8,00	Trung bình	Phần II<6
2	Đặng Thị Mai		7,50	8,00	7,00	7,00	7,50	8,50	8,00	8,00	8,00	8,50	7,00	9,00		8,00	Giỏi	
1	Lã Thị Ngợi		7,50	8,00	6,50	8,00	7,25	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,50		7,88	Khá	
2	Sầm Thị Hồng Vân		7,00	8,00	6,50	7,00	7,75	7,75	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	9,00		7,86	Khá	
3	Đinh Thị Huệ		7,50	8,00	7,00	7,00	7,75	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	7,50	8,50		7,82	Khá	
4	Phạm Thị Phương		7,50	8,00	6,00	7,25	7,75	7,50	8,00	7,00	7,50	7,50	8,00	9,00		7,79	Khá	
5	Đào Hán Phong		8,00	8,00	6,50	7,75	7,75	7,75	8,00	7,00	8,00	7,00	7,25	8,50		7,75	Khá	
6	Linh Văn Huấn		7,50	8,00	6,50	7,50	7,50	8,00	8,00	7,75	7,00	8,00	7,00	8,50		7,73	Khá	
7	Nguyễn Thị Linh		7,00	7,50	7,00	8,00	7,00	7,50	7,75	6,00	7,50	7,50	8,00	9,00		7,70	Khá	
8	Nguyễn Xuân Thao		6,50	7,50	6,50	7,50	8,00	7,25	8,00	6,75	8,00	7,50	7,50	7,50	0,3	7,69	Khá	
9	Lã Thị Nguyệt		8,00	8,00	5,50	7,75	7,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,58		7,66	Trung bình	Phần II<6
10	Ma Văn Kiên		8,00	7,50	7,00	7,25	8,00	7,75	7,50	7,00	6,50	7,00	7,50	8,50		7,61	Khá	
11	Nguyễn Thị Thu Hương		7,50	8,00	6,00	7,25	7,25	7,50	7,75	8,00	8,00	8,25	7,25	7,75		7,57	Khá	
12	Nguyễn Thị Hồng Bích		7,00	8,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,25	6,00	7,00	7,00	8,00	8,50		7,52	Khá	
13	Nguyễn Thị Gấm		7,00	8,00	7,00	7,00	7,75	7,75	7,50	6,50	7,50	7,50	7,50	8,00		7,50	Khá	
14	Nguyễn Thị Thu Hằng		7,00	8,00	6,00	7,00	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,00	7,58		7,48	Khá	
15	Trương Thị Yên		7,00	8,00	6,00	7,50	7,75	8,00	7,00	7,00	8,00	8,00	7,00	7,75		7,46	Khá	
16	Nguyễn Thị Hằng		7,00	7,00	6,50	7,50	7,50	6,75	7,25	7,50	7,50	6,00	7,50	7,42	0,3	7,46	Khá	
17	Nguyễn Thị Ngọc Lan		7,00	8,00	6,50	7,25	7,25	7,25	7,75	7,50	6,50	7,50	8,00	7,92		7,45	Khá	
18	Đặng Thanh Hoa		7,00	7,50	6,50	7,00	7,00	7,50	7,50	7,75	7,50	8,00	7,50	7,83		7,45	Khá	
19	Đỗ Thị Hương		7,00	7,50	6,00	7,00	7,25	7,75	7,75	7,75	8,00	7,00	8,00	7,67		7,43	Khá	

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		P.IV	Phần V			P VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm thi TN, viết TL	Cộng điểm BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3							
20	Bùi Duy	Khương	7,75	8,00	7,00	6,75	7,25	7,00	7,50	6,75	7,00	7,00	8,50	7,67		7,39	Khá	
21	Lê Thị Hải	Vân	7,50	8,00	7,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,00	7,00	7,50	8,00	7,17		7,39	Khá	
22	Vũ Thị	Thương	7,00	8,00	5,50	7,00	7,25	8,00	8,00	7,50	7,50	8,00	7,25	7,50		7,39	Trung bình	Phần II<6
23	Trần Thị Thu	Đào	7,00	7,50	6,00	7,25	7,50	8,00	7,50	7,50	8,00	7,00	7,50	7,58		7,39	Khá	
24	Hoàng Thị Thu	Hạnh	7,00	7,50	6,50	7,00	8,00	8,00	7,00	8,00	7,50	7,00	7,00	7,58		7,37	Khá	
25	Chu Thị	Hoan	7,00	7,50	5,50	7,75	7,50	7,50	7,75	7,75	8,00	8,00	6,50	7,42		7,36	Trung bình	Phần II<6
26	Nguyễn Thị	Thúy	8,00	7,00	7,00	6,75	7,25	7,25	7,75	7,25	6,50	8,50	7,50	7,42		7,36	Khá	
27	Nguyễn Ngọc	Dung	7,50	7,00	8,00	7,25	7,25	7,50	6,75	8,00	6,00	8,00	7,00	7,50		7,34	Khá	
28	Vũ Khánh	Thiện	7,50	7,50	5,50	7,00	7,75	7,25	8,00	8,00	7,50	7,00	8,00	7,25		7,34	Trung bình	Phần II<6
29	Nguyễn Công	Thành	7,00	7,00	8,00	7,00	6,75	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	8,00	7,00		7,30	Trung bình	Thi lại II
30	Nguyễn Văn	Lương	7,00	7,50	6,50	7,00	7,50	8,00	7,50	6,50	7,50	7,00	7,50	7,58		7,30	Khá	
31	Nguyễn Quốc	Quản	6,75	7,00	7,25	7,50	7,75	7,25	7,25	7,50	7,50	7,00	7,50	7,33		7,30	Khá	
32	Nguyễn Thị	Thần	7,00	7,50	7,00	7,50	7,75	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	7,50	6,92		7,29	Trung bình	Thi lại II
33	Triệu Thị	Thúy	8,00	7,50	6,00	6,50	7,25	7,50	7,50	7,00	7,50	8,00	7,00	7,42		7,29	Khá	
34	Hồ Đức	Tuyên	7,00	7,50	7,00	7,00	8,00	7,00	7,50	7,25	8,00	7,00	7,00	7,17		7,27	Khá	
35	La Quyết	Thắng	7,00	8,00	6,50	7,00	7,25	8,25	7,50	7,50	6,50	7,50	7,50	7,08		7,27	Khá	
36	Trịnh Thị	Thương	7,50	8,00	6,00	7,00	7,25	7,25	7,50	8,00	7,00	7,50	7,00	7,17		7,25	Khá	
37	Nguyễn Đức	Huân	7,00	8,00	6,00	7,00	7,25	7,75	7,75	8,00	7,00	7,00	6,75	7,33		7,25	Khá	
38	Hoàng Thị	Thúy	7,00	7,50	7,00	6,50	7,25	7,25	8,00	7,75	7,00	7,00	8,00	6,92		7,22	Khá	
39	Mai Thị	Hiếu	7,00	7,00	6,50	6,75	7,25	7,50	7,50	8,00	6,50	7,00	7,50	7,42		7,20	Khá	
40	Lê Thị	Thảo	7,50	7,50	6,00	7,00	6,50	8,25	7,75	6,75	8,00	7,00	7,00	7,17		7,20	Khá	
41	Mùng Thị	Hạnh	7,00	7,00	5,50	8,00	7,00	7,50	8,00	7,50	6,50	8,00	7,50	7,08		7,20	Trung bình	Phần II<6
42	Hoàng Thị	Hương	6,50	8,00	6,00	7,00	8,00	7,75	7,50	6,00	7,00	7,00	8,00	7,33		7,20	Khá	
43	Nguyễn Thị	Đê	7,50	7,00	6,50	6,50	7,25	7,50	7,50	7,00	7,00	7,00	7,50	7,33		7,16	Khá	
44	Phạm Minh	Thế	8,00	7,50	5,00	6,75	7,00	7,50	7,25	8,00	7,50	7,00	7,50	7,00		7,14	Trung bình	Phần II<6

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		P.IV	Phần V			P VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm thi TN, viết TL	Cộng điểm BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3							
45	Hoàng Thị	Thu	6,50	7,50	6,00	7,75	7,50	6,75	7,50	6,50	6,00	7,00	7,75	7,67		7,13	Khá	
46	Hậu Thị	Tường	7,00	7,50	6,50	7,00	7,25	7,50	7,00	6,50	7,50	7,00	8,00	7,00		7,13	Khá	
47	Nông Thị	Quý	7,00	7,50	6,50	7,00	7,00	7,25	8,00	7,25	7,00	6,50	7,00	7,17		7,11	Khá	
48	Nông Thúy	Thêm	7,00	7,50	7,00	6,75	7,25	8,00	7,50	6,00	7,50	6,50	7,50	7,00		7,11	Khá	
49	Nông Thị	Mai	7,00	7,00	6,00	7,00	6,50	7,25	7,50	7,00	6,50	6,50	8,00	7,67		7,09	Khá	
50	Nguyễn Thị	Nga	7,50	7,50	6,50	7,00	7,25	7,50	7,50	7,00	6,50	6,50	7,00	7,17		7,09	Khá	
51	Kim Đức	Muru	7,00	7,00	7,00	7,50	7,25	7,00	7,25	7,00	6,50	7,00	7,50	6,92		7,05	Khá	
52	Dương Thị Mai	Hường	7,00	7,50	6,00	7,00	7,00	7,50	7,50	6,50	6,50	7,00	7,50	7,25		7,05	Khá	
53	Dương Thị	Vân	7,50	7,00	6,00	6,75	7,00	7,50	6,75	6,25	8,00	7,50	8,00	6,83		7,05	Khá	
54	Chu Hồng	Đức	7,00	7,00	6,50	7,50	6,50	7,25	7,50	7,00	7,00	6,25	7,50	7,17		7,04	Trung bình	Thi lại II
55	Nguyễn Thế	Hiếu	7,00	7,00	5,50	7,00	7,00	7,25	7,50	7,00	7,00	6,50	8,00	7,25		7,04	Trung bình	Phần II < 6
56	Nguyễn Ngọc	Thắng	6,50	7,00	6,00	6,50	7,50	7,00	7,75	7,00	6,00	7,50	7,00	7,50		7,02	Khá	
57	Nguyễn Thị	Lan	7,00	7,50	6,00	6,75	7,00	6,75	7,25	6,75	6,50	7,00	8,50	7,00		7,00	Khá	
58	Nguyễn Văn	Tùng	7,00	6,00	6,50	7,00	7,00	7,00	7,00	6,50	7,00	7,25	8,00	7,25		7,00	Khá	
61	Phạm Văn	Độ	7,00	7,00	6,00	7,00	6,25	7,25	6,75	7,25	6,50	7,00	8,00	7,25		6,98	Trung bình	
62	Nguyễn Thị	Phương	7,00	7,50	5,50	7,00	6,75	7,50	7,50	7,00	6,00	7,50	7,50	6,92		6,97	Trung bình	
63	Nông Thị	Biên	7,00	7,50	6,50	7,25	6,00	7,25	6,75	6,00	6,50	7,00	8,00	7,25		6,96	Trung bình	
64	Lã Văn	Hữu	7,00	7,00	7,00	7,25	6,75	7,00	6,50	7,00	6,00	6,50	7,50	7,25		6,95	Trung bình	
65	Dương Ngọc	Linh	7,00	8,00	5,50	7,00	7,50	7,00	7,50	7,00	6,00	7,00	7,50	6,75		6,95	Trung bình	
66	Nguyễn Thị	Tạo	7,00	6,00	6,00	7,00	7,50	6,75	7,50	6,00	7,00	7,00	8,00	7,08		6,93	Trung bình	
67	Lã Văn	Dũng	7,00	6,50	6,50	6,25	7,25	7,00	7,75	6,26	7,00	7,00	7,00	7,08		6,91	Trung bình	
68	Lý Đức	Hùng	7,00	7,00	6,00	6,25	7,50	6,75	7,25	6,75	6,00	6,50	8,00	7,17		6,89	Trung bình	
69	Hoàng Quốc	Hanh	7,00	7,50	6,00	7,50	6,75	7,50	7,50	6,00	6,50	6,50	6,75	7,00		6,89	Trung bình	
70	Lành Thị	Như	6,50	7,50	6,50	6,75	6,50	7,00	7,25	7,00	6,00	7,00	7,50	7,00		6,89	Trung bình	
71	Mã Xuân	Hùng	7,00	6,50	5,00	7,25	7,25	6,75	7,25	7,00	7,00	6,00	7,50	7,17		6,86	Trung bình	

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		P.IV	Phần V			P VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm thi TN, viết TL	Cộng điểm BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3							
72	Nguyễn Thị	Thân	7,00	7,50	6,00	6,50	6,25	7,75	7,50	6,75	7,00	6,00	7,50	6,75		6,86	Trung bình	
73	Nguyễn Văn	Bằng	6,50	7,00	7,00	7,00	7,00	6,75	7,25	6,50	7,50	5,00	8,00	6,83		6,86	Trung bình	
74	Nông Thị	Nàn	7,00	8,00	5,50	6,50	6,50	7,25	7,50	7,00	6,50	6,00	7,50	6,83		6,84	Trung bình	
75	Nguyễn Sỹ	Quảng	7,00	7,00	5,00	7,00	7,00	7,25	6,75	7,00	6,50	6,50	7,50	7,08		6,84	Trung bình	
76	La Văn	Tĩnh	6,00	7,00	6,50	7,00	7,25	6,50	7,00	6,75	6,50	6,25	7,50	7,00		6,80	Trung bình	
77	Nguyễn Tuấn	Dòng	7,00	6,50	6,00	7,00	7,25	7,25	7,25	6,50	6,50	6,00	7,50	6,83		6,80	Trung bình	
78	Nguyễn Đức	Hưng	7,00	7,50	7,00	6,75	7,00	7,00	6,75	6,00	6,50	5,50	7,50	6,75		6,77	Trung bình	
79	Nguyễn Văn	Minh	7,00	6,00	6,00	7,00	6,50	7,00	7,25	6,25	6,00	7,00	8,00	6,83		6,75	Trung bình	
80	Nền Văn	Tiến	6,50	7,00	6,00	6,75	6,00	6,75	7,50	7,00	6,50	6,00	8,00	6,83		6,75	Trung bình	
81	Hoàng Minh	Thường	6,00	6,50	5,00	6,75	6,50	6,75	7,50	7,00	6,50	6,25	7,50	6,92		6,64	Trung bình	
82	Nông Thị	Vấn	7,00	7,00	5,50	7,00	6,75	7,50	6,50	6,00	7,00	6,00	6,50	6,75		6,64	Trung bình	
83	Phạm Huyền	Linh	7,00	6,00	5,50	6,75	6,25	6,75	7,25	6,00	6,00	5,50	7,50	7,33		6,61	Trung bình	
84	Nông Văn	An	6,00	6,00	6,50	7,00	6,75	6,50	6,75	6,50	6,50	5,00	8,00	6,67		6,54	Trung bình	
85	Hoàng Văn	Dược	7,00	5,50	6,00	6,75	6,25	6,75	7,00	6,00	6,00	6,00	7,50	6,92		6,54	Trung bình	
86	Trần Văn	Mau	5,00	7,00	7,00	6,25	6,00	7,25	7,25	6,00	6,00	6,25	7,00	6,83		6,54	Trung bình	
87	Đào Đình	Toàn	6,00	7,00	5,00	6,50	6,25	7,00	6,50	6,75	7,00	5,50	7,50	6,50		6,46	Trung bình	
88	Đình Minh	Tuân	6,00	6,00	5,00	6,75	6,00	6,00	7,50	6,00	6,00	5,50	7,50	6,67		6,30	Trung bình	
89	Bàn Hữu	Thành	5,00	6,00	5,00	6,50	7,00	6,00	7,00	6,50	6,00	5,00	7,50	6,83		6,29	Trung bình	

* Tổng số học viên: 89. 